TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/3/2024
"V/v tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Minh Tân**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Huỳnh Văn Dũng**
2. Ông **Trần Văn Nhu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiển** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 698/2023/TLST–HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Lệ T**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh T.

2. Bị đơn: Ông **Đặng Văn Đ**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh T.

(Bà T có mặt, ông Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Bà và ông Đặng Văn Đ tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 1992, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng bà sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, vợ chồng thường hay cải nhau cuộc sống chung không hạnh phúc và ly thân hơn 10 năm nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Đ nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: có 02 con chung tên

Đặng Văn Phú sinh năm 1992 và Đặng Thị Công Toại sinh năm 1998 đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Đặng Văn Đ đã được tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Đặng Văn Đ dù được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Đặng Văn Đ tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống bà T xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẩn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, vợ chồng thường hay cải nhau cuộc sống chung không hạnh phúc. Ông bà đã ly thân hơn 10 năm nay và không có trao đổi hàn gắn tình cảm. Đối với ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc bà T xin ly hôn chứng tỏ ông không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng, không mong muốn đoàn tụ cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho bà T được ly hôn với ông Đ là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn với ông Đặng Văn Đ.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014555 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Bà T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với ông Đ thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Tân